|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆSố: /2024/TT-BKHCN | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**Dự thảo**

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn quản lý Chương trình phát triển thị trường**

**khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030**

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;*

*Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi** **điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này hướng dẫn việc quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030 *(sau đây gọi tắt là Chương trình)* được phê duyệt tại Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13 tháng 07 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thông tư áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện, quản lý Chương trình.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. *Phát triển thị trường khoa học và công nghệ* là hoạt động hoàn thiện môi trường pháp lý và các hoạt động khác nhằm thúc đẩy giao dịch hàng hóa khoa học và công nghệ theo quy luật của thị trường có sự định hướng, điều tiết và hỗ trợ của Nhà nước.

2. *Hàng hóa khoa học và công nghệ* là tài sản trí tuệ, công nghệ, sản phẩm, mô hình kinh doanh và dịch vụ đáp ứng các tiêu chí, điều kiện giao dịch trên thị trường khoa học và công nghệ.

3. *Xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ* là những hoạt động diễn ra trên thị trường khoa học và công nghệ nhằm hỗ trợ các chủ thể tham gia thị trường tìm kiếm, đàm phán, thỏa thuận, trao đổi, mua bán các hàng hóa khoa học và công nghệ.

4. *Đầu tư phát triển hạ tầng quốc gia cho thị trường khoa học và công nghệ* là hoạt động xây mới, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, nhất là hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số (cổng thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, vùng và các nền tảng kỹ thuật tích hợp dùng chung) phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

5. *Ban Chủ nhiệm Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030* (sau đây gọi tắt là Ban Chủ nhiệm Chương trình) là bộ phận tư vấn giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện Chương trình, do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động.

6. *Đơn vị quản lý chuyên môn* là đơn vị được Bộ Khoa học và Công nghệ giao tổ chức triển khai các nội dung về chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030 theo các mục tiêu, nội dung và sản phẩm đã được phê duyệt.

7. *Đơn vị quản lý kinh phí* là đơn vị được Bộ Khoa học và Công nghệ giao quản lý sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước và thực hiện các hoạt động phục vụ quản lý nhà nước, và thực hiện các mục tiêu, nội dung và sản phẩm thuộc Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030.

**Điều 3. Nhiệm vụ thuộc Chương trình**

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình gồm các nội dung được quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Mục II của Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13 tháng 07 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ được quy định tại các Điều 6, 7, 8, 9 Thông tư này.

2. Hoạt động quản lý Chương trình gồm:

a) Hoạt động của Ban Chủ nhiệm Chương trình; hoạt động quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình của Đơn vị quản lý chuyên môn, Đơn vị quản lý kinh phí và các đơn vị chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Tổ chức tọa đàm, hội thảo về việc quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình;

c) Tổng hợp, đánh giá kết quả hằng năm, báo cáo lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ và Thủ tướng Chính phủ;

d) Biên soạn, xuất bản, phát hành các tài liệu, ấn phẩm về thị trường khoa học và công nghệ;

đ) Truyền thông, tập huấn về việc quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình;

e) Tôn vinh, khen thưởng các tổ chức, cá nhân tiêu biểu trong hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

g) Xây dựng, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu; vận hành khai thác Cổng thông tin quốc gia về thị trường khoa học và công nghệ.

h) Tổ chức các chương trình nghiên cứu, trao đổi, khảo sát thực tế và học tập kinh nghiệm từ các nước có mô hình phát triển thị trường khoa học và công nghệ theo tiêu chuẩn khu vực và thế giới.

i) Các hoạt động khác trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình.

**Điều 4. Nguyên tắc chung lựa chọn nhiệm vụ**

1. Nhiệm vụ đáp ứng quy định tương ứng tại các khoản 1, 2 Điều 3 của Thông tư này.

2. Mục tiêu rõ ràng, cụ thể và có tác động tích cực đến tăng trưởng giao dịch công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

3. Ưu tiên các nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu phát triển đối với một số lĩnh vực, ngành hàng xuất khẩu chủ lực; khuyến khích thực hiện các nhiệm vụ nhằm thương mại hóa, đưa nhanh kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ được tạo ra từ ngân sách nhà nước vào sản xuất, kinh doanh.

4. Tổ chức chủ trì phải có đủ năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất, tài chính hoặc chứng minh được khả năng huy động các nguồn lực khác từ bên ngoài phù hợp thực hiện nhiệm vụ.

**Điều 5. Mã số** **nhiệm vụ thuộc Chương trình**

Mã số nhiệm vụ thuộc Chương trình được ghi như sau: 1158.DA.XX/YY hoặc 1158.ĐT.XX/YY hoặc 1158.ĐA.XX/YY hoặc 1158.ĐK.XX/YY.

Trong đó:

- 1158 là ký hiệu chữ viết tắt của Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030. DA là ký hiệu chữ viết tắt của dự án; ĐT là ký hiệu chữ viết tắt của đề tài; ĐA là ký hiệu chữ viết tắt của đề án.

- XX là gồm 2 chữ số ghi số thứ tự nhiệm vụ của Chương trình theo từng DA, ĐT, ĐA, ĐK.

- YY là số biểu thị năm (hai chữ số cuối cùng) bắt đầu thực hiện nhiệm vụ.

**Chương II**

**NGUYÊN TẮC LỰA CHỌN NHIỆM VỤ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH**

**Điều 6.** **Nhiệm vụ hoàn thiện môi trường pháp lý hỗ trợ phát triển thị trường khoa học và công nghệ**

Ưu tiên nghiên cứu kinh nghiệm của các nước trên thế giới, rà soát tổng thể các khó khăn, điểm nghẽn về thể chế, cơ chế, chính sách và đề xuất các giải pháp phù hợp, phương án điều chỉnh, bổ sung, tháo gỡ các rào cản, hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật để thị trường khoa học và công nghệ phát triển đồng bộ, hiệu quả, hiện đại và hội nhập[[1]](#footnote-1).

**Điều 7.** **Nhiệm vụ thúc đẩy phát triển nguồn cầu của thị trường khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp**

1. Xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn cầu công nghệ và xuất bản báo cáo phân tích nhu cầu công nghệ của một số ngành hàng xuất khẩu chủ lực cần đáp ứng các tiêu chí sau[[2]](#footnote-2):

a) Có kế hoạch xây dựng, khai thác cơ sở dữ liệu về nguồn cầu công nghệ rõ ràng, đảm bảo nguồn lực cho việc duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi nhiệm vụ;

b) Xác định được nhu cầu công nghệ cụ thể và hiệu quả kinh tế - kỹ thuật đối với một số ngành hàng xuất khẩu chủ lực;

[[3]](#footnote-3)2. Thúc đẩy hợp tác doanh nghiệp - viện, trường theo hướng đặt hàng công nghệ hoặc hình thành dự án nghiên cứu, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Có phối hợp giữa doanh nghiệp với viện nghiên cứu, trường đại học để thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ;

b) Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện đầu tư ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ phải cam kết hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong ít nhất 02 năm đầu sau khi kết thúc nhiệm vụ.[[4]](#footnote-4)

**Điều 8.** **Nhiệm vụ thúc đẩy phát triển nguồn cung của thị trường khoa học và công nghệ**

[[5]](#footnote-5)1. Hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ cần đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp phụ trợ, cơ giới hóa, chế biến sâu trong nông nghiệp, phục vụ yêu cầu phát triển vùng nông thôn, miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn[[6]](#footnote-6).

b) Tổ chức chủ trì phải chứng minh được khả năng huy động đủ nguồn tài chính ngoài ngân sách và sử dụng kết quả của nhiệm vụ.

[[7]](#footnote-7)2. Phát triển mạng lưới chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia khoa học và công nghệ nước ngoài tham gia hoạt động đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam cần đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Có khả năng cung cấp công cụ hỗ trợ tìm kiếm, tra cứu, lưu giữ thông tin, dữ liệu về các chuyên gia Việt Nam, các chuyên gia nước ngoài và các tổ chức, đơn vị đối tác tiềm năng có liên quan.

b) Có khả năng cung cấp các công cụ kết nối và nâng cao khả năng tiếp cận của cộng đồng các nhà khoa học, chuyên gia, nghiên cứu sinh, du học sinh, doanh nhân Việt Nam trên thế giới tới Cổng thông tin quốc gia về thị trường khoa học và công nghệ.[[8]](#footnote-8)

**Điều 9.** **Nhiệm vụ phát triển các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ**

Ưu tiên tổ chức cung cấp dịch vụ kết nối hỗ trợ bên khác trong giao dịch liên quan đến công nghệ, bao gồm: dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, thương mại hóa công nghệ; dịch vụ sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; tư vấn đầu tư, xúc tiến thương mại, hỗ trợ khởi nghiệp, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp; tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; liên minh hợp tác xã; hiệp hội ngành nghề[[9]](#footnote-9).

**Điều 10.** **Nguyên tắc lựa chọn các nhiệm vụ khác thuộc Chương trình**

Đối với các nhiệm vụ khác thuộc Chương trình thực hiện việc lựa chọn và tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH**

**Điều 11.** **Xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình**

1. Đề xuất, xác định nhiệm vụ

a) Căn cứ mục tiêu, nội dung của Chương trình và tiêu chí nhiệm vụ quy định tại Chương II của Thông tư này, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Chủ nhiệm Chương trình, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đề xuất nhiệm vụ và đề xuất đặt hàng nhiệm vụ gửi Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức xác định, phê duyệt danh mục nhiệm vụ thuộc Chương trình.

b) Trình tự, thủ tục xác định, phê duyệt danh mục nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ

Nguyên tắc, điều kiện, trình tự, thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Thẩm định kinh phí nhiệm vụ

a) Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ gồm 05 thành viên, trong đó: Tổ trưởng là lãnh đạo Đơn vị quản lý chuyên môn; Tổ phó là đại diện lãnh đạo đơn vị quản lý kế hoạch - tài chính; 01 thành viên là đại diện Đơn vị quản lý kinh phí; 01 thành viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hoặc ủy viên phản biện của Hội đồng tư vấn; 01 đại diện của đơn vị quản lý kế hoạch - tài chính là Thư ký Tổ thẩm định.

Trường hợp đặc biệt Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên của Tổ thẩm định kinh phí khác với quy định này.

b) Nguyên tắc, trình tự, biểu mẫu, nội dung làm việc của Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ và phê duyệt nhiệm vụ thực hiện theo Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ và Mẫu hợp đồng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Điều 1 Thông tư số 04/2023/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

5. Kiểm tra, đánh giá định kỳ, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ

Trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

6. Đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ

Trình tự, thủ tục đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Báo cáo tổng hợp kết quả của nhiệm vụ theo biểu B3-BCTH (báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Đăng ký, lưu giữ, xử lý tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN

a) Việc đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trình và phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia vè khoa học và công nghệ.

b) Việc xử lý tài sản, giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hiện hành có liên quan.

**Điều 12.** **Tổ chức thực hiện hoạt động quản lý chung thuộc Chương trình**

Việc tổ chức thực hiện hoạt động quản lý chung thuộc Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

**Điều 13.** **Kinh phí thực hiện Chương trình**

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được bảo đảm từ các nguồn: ngân sách nhà nước; vốn và tài trợ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế; nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí thực hiện Chương trình từ nguồn ngân sách nhà nước chi kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động quản lý Chương trình nêu tại Điều 3 của Thông tư này.

3. Việc quản lý tài chính thực hiện Chương trình theo các quy định hiện hành về tài chính đối với các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia và các văn bản khác có liên quan, bao gồm cả các văn bản bổ sung mới phục vụ công tác quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Sau khi có quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và thời gian thực hiện nhiệm vụ, doanh nghiệp được triển khai các nội dung thuộc kinh phí đối ứng ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH**

**Điều 14.** **Trách nhiệm, quyền hạn của Bộ Khoa học và Công nghệ**

1. Chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện Chương trình theo phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030.

2. Hướng dẫn xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp và thẩm định kinh phí nhiệm vụ; phê duyệt danh mục nhiệm vụ; phê duyệt nội dung, kinh phí, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ; ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ; tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ; điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ; phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm máy móc, thiết bị, hàng hóa, nguyên vật liệu và dịch vụ bằng kinh phí từ ngân sách nhà nước của các nhiệm vụ; tổ chức đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình.

3. Tổng hợp quyết toán kinh phí hàng năm của các nhiệm vụ thuộc Chương trình gửi Bộ Tài chính.

4. Phê duyệt nội dung và kinh phí hoạt động quản lý chung của Chương trình; tổng hợp và cân đối tổng dự toán kinh phí thực hiện Chương trình để bố trí vào kế hoạch ngân sách khoa học và công nghệ hàng năm. Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc bảo đảm tài chính cho hoạt động của Chương trình.

5. Đánh giá kết quả, tổng kết hoạt động Chương trình; báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình và kết quả thực hiện Chương trình.

**Điều 15.** **Đơn vị quản lý chuyên môn của Chương trình**

Đơn vị quản lý chuyên môn các nhiệm vụ của Chương trình có trách nhiệm:

1. Đầu mối, giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện Chương trình theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2021.

2. Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý kinh phí, Ban chủ nhiệm và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình; xây dựng báo các báo cáo định kỳ, đột xuất, tổng kết về kết quả thực hiện hàng năm; tổ chức sơ kết, tổng kết chương trình.

3. Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý kinh phí, Ban chủ nhiệm Chương trình và các đơn vị liên quan thực hiện kêu gọi, tiếp nhận, tổng hợp danh mục đề xuất nhiệm vụ, tổ chức xác định nhiệm vụ thuộc Chương trình;

4. Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý kinh phí, Ban chủ nhiệm Chương trình tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp; trình phê duyệt kết quả tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ.

5. Chủ trì trong xác định khối lượng công việc. Phối hợp với đơn vị quản lý kinh phí đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

6. Phối hợp với đơn vị quản lý kinh phí thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất nhiệm vụ, điều chỉnh kinh phí, chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

7. Phối hợp thông tin tuyên truyền về hoạt động của Chương trình; phổ biến và nhân rộng kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao.

**Điều 16.** **Đơn vị quản lý kinh phí thực hiện của Chương trình**

Đơn vị quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình có trách nhiệm:

1. Chủ trì xây dựng kế hoạch tài chính, lập dự toán ngân sách thực hiện Chương trình.

2. Chủ trì ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, quản lý kinh phí, cấp kinh phí, xác nhận kinh phí, thanh quyết toán kinh phí; kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất nhiệm vụ, điều chỉnh hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và các nhiệm vụ khác được phân công liên quan đến quản lý kinh phí theo quy định quản lý tài chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Chương trình.

3. Chủ trì trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm máy móc, thiết bị, hàng hóa, nguyên vật liệu và dịch vụ bằng kinh phí từ ngân sách nhà nước của các nhiệm vụ.

4. Chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan quản lý tài sản công, xử lý tài sản sau khi kết thúc nhiệm vụ của Chương trình và các nhiệm vụ khác được giao liên quan đến quản lý kinh phí thực hiện Chương trình theo các quy định quản lý tài chính của Chương trình và các quy định hiện hành về sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước.

**Điều 17.** **Ban Chủ nhiệm Chương trình**

1. Ban Chủ nhiệm Chương trình do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập. Ban Chủ nhiệm Chương trình gồm 09 đến 11 thành viên, trong đó có Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, 01 Ủy viên kiêm thư ký khoa học và các ủy viên khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm.

2. Ban Chủ nhiệm Chương trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chủ nhiệm Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

**Điều 18.** **Trách nhiệm, quyền hạn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

1. Xây dựng chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ của bộ, ngành, địa phương trên cơ sở các nội dung của Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030; huy động các nguồn kinh phí khác theo quy định để triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

2. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia Chương trình.

3. Hàng năm, báo cáo tình hình thực hiện Chương trình gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Điều 19.** **Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ**

1. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

a) Xây dựng, hoàn thiện hồ sơ tuyển chọn, thẩm định nhiệm vụ theo quy định;

b) Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Bộ Khoa học và Công nghệ: chịu trách nhiệm về tổ chức thực hiện, quản lý, khai thác và chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ, tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả của nhiệm vụ và quản lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

c) Định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (6 tháng, hàng năm); nêu các vấn đề phát sinh, đề xuất phương án giải quyết và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ;

d) Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả; thực hiện báo cáo, thanh quyết toán kinh phí của nhiệm vụ theo quy định; tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình cấp phát, sử dụng và quyết toán kinh phí hàng năm và tổng quyết toán khi kết thúc nhiệm vụ;

đ) Chủ trì việc tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Chủ nhiệm có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giá trị khoa học, trình độ công nghệ, hiệu quả của nhiệm vụ; có phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hóa sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ;

b) Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả; thực hiện báo cáo, thanh quyết toán kinh phí của nhiệm vụ theo quy định;

c) Đề xuất, kiến nghị với tổ chức chủ trì nhiệm vụ về những điều chỉnh cần thiết trong quá trình thực hiện nhiệm vụ (nếu có);

d) Phối hợp với tổ chức chủ trì thực hiện việc công bố, giao nộp, chuyển giao kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, xử lý tài sản sau khi kết thúc nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 20.** **Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.

**Điều 21.** **Trách nhiệm thi hành**

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế để hướng dẫn triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh thuộc Chương trình phù hợp với Thông tư này và các quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Toà án nhân dân tối cao;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Kiểm toán nhà nước;  - Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - UBND tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;  - Sở KH&CN/Cơ quan tương đương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW  - Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);  - Công báo VPCP;  - Cổng thông tin điện tử Chính phủ;  - Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ;  - Các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;  - Lưu: VT, PTTTDN. | **BỘ TRƯỞNG** |

1. Điểm a Điều 1 Chỉ thị 25/CT-TTG [↑](#footnote-ref-1)
2. Trích từ điểm a Khoản 2 Mục II Quyết định 1158 [↑](#footnote-ref-2)
3. Trích từ điểm c Khoản 2 Mục II Quyết định 1158 [↑](#footnote-ref-3)
4. Kế thừa quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư 06 về Chương trình đổi mới và dự thảo xin ý kiến [↑](#footnote-ref-4)
5. Trích từ điểm c Khoản 3 Mục II Quyết định 1158 [↑](#footnote-ref-5)
6. Điểm c Khoản 3 Mục I Quyết định 1158 [↑](#footnote-ref-6)
7. Trích từ điểm d Khoản 3 Mục II Quyết định 1158 [↑](#footnote-ref-7)
8. Kế thừa theo Quyết định số 3975/QĐ-BKHCN ngày 14/12/2016 về việc phê duyệt đề án xây dựng mạng lưới chuyên gia việt nam trên thế giới [↑](#footnote-ref-8)
9. Điều 30 Nghị định 76 [↑](#footnote-ref-9)